

Thang đo sức mạnh thị trường



11 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Khoảng cách với 1,200 điểm dần thu hẹp

VN-Index đang dần tiến tới 1,200 điểm, ghi nhận mức tăng hơn 11 điểm trong phiên hôm nay, đóng cửa ở mốc 1,181 điểm (+1% DoD).

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn hỗ trợ tích cực trong chiều tăng điểm của VN-Index. Trong đó, BID, VPB và VNM là những mã hỗ trợ tích cực trong chiều tăng điểm với điểm số hỗ trợ lần lượt 1,4; 1,15 và 0,95 điểm. Ở chiều ngược lại, LGC và VIC là 2 mã tác động vào chiều giảm điểm với điểm số tác động lần lượt 0,24 điểm và 0,09 điểm.

Mặc dù khối ngoại vẫn duy trì vị thế bán ròng của mình, thế nhưng giá trị bán ròng có phần suy giảm khi tổng giá trị bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX trong phiên hôm nay đạt 284 tỷ. VNM và HPG là 2 mã chịu áp lực bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt đạt 117 tỷ và 43 tỷ. Ở chiều ngược lại, MBB được mua ròng với giá trị đạt hơn 33 tỷ.

Áp lực bán của nhà đầu tư có phần suy giảm đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index được cải thiện tích cực từ mức đánh giá -4 điểm (TIÊU CỰC) về mức đánh giá -2 điểm (TRUNG TÍNH).

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,181.73	1.00	5.99	45.65
HNX	273.52	2.40	21.62	159.21
UPCOM	80.34	0.12	8.84	53.08
MSCI EM	1,324.90	0.53	-7.21	39.96
NIKKEI	29,211.64	0.60	-1.19	50.45
HANG SENG	29,385.61	1.65	-2.61	16.46
KOSPI	3,013.70	1.88	-2.80	57.93
FTSE	6,736.70	0.17	3.19	14.64
S&P 500	3,898.81	0.60	-0.45	42.22
NASDAQ	13,068.83	-0.04	-6.82	64.35

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.22	2.47	13.70
SET INDEX	34.31	1.73	4.35
JCI INDEX	33.81	1.62	4.13
PCOMP INDEX	29.96	1.65	5.75

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (%)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.08	0	4	-70
10 năm	2.36	1	13	11

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,051	-0.03	-0.24	0.60
US\$/KRW	1,136	0.59	-2.55	5.04
US\$/JPY	109	-0.12	-3.47	-3.66
US\$/EUR	0.84	-0.25	1.44	-5.76
US\$/GBP	0.72	-0.03	-0.88	-8.01
US\$/SGD	1.34	0.25	-1.16	4.07

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	567	595	310
HNX	96	88	37
UPCOM	44	42	19



Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

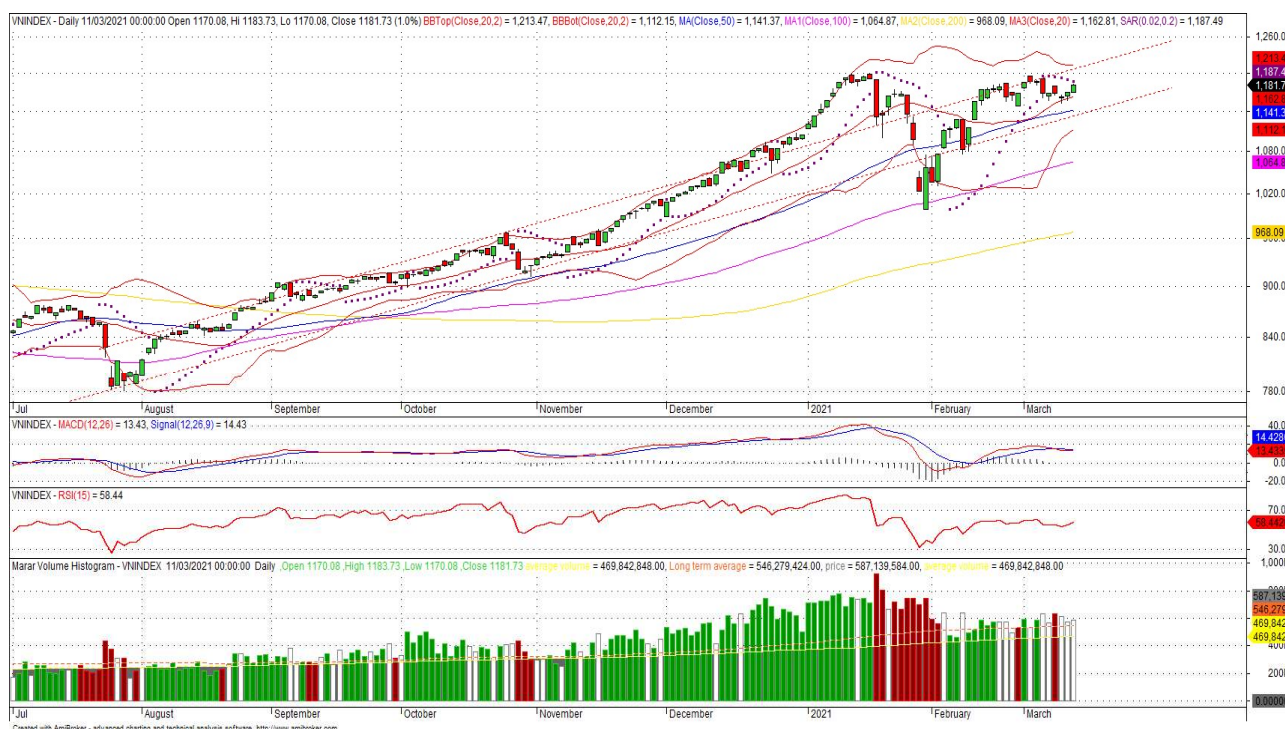
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (11/03/2021)	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.000

Ngưỡng hỗ trợ quanh MA20 ngày đã cho thấy hỗ trợ tích cực cho VN-Index trong ngắn hạn. Giúp VN-Index tiến về ngưỡng kháng cự 1,200 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

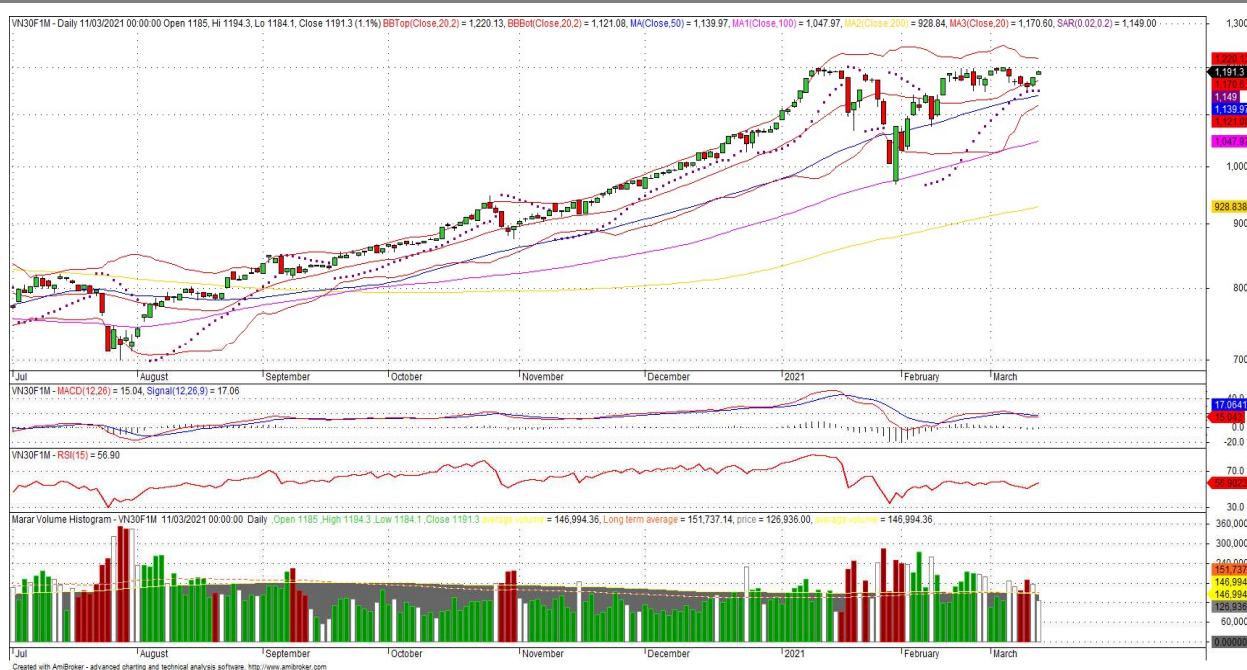
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (11/03/2021)	1.191	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.300
VN30 - đóng cửa	1.172	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+2,6	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	4	KHẢ QUAN

VN30F1M có xu hướng kiểm định ngưỡng 1,200 điểm lần thứ 3 trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.2	3,101,325	7	KHẢ QUAN	3,593	11.7	1.0
ACB	33	11,272,200	0	TRUNG TÍNH	71,331	9.3	2.0
ASM	16.7	3,924,775	4	KHẢ QUAN	4,323	8.7	1.0
BID	43.3	1,793,965	-2	TRUNG TÍNH	174,153	24.9	2.3
BSR	16.8	17,521,504	5	KHẢ QUAN	52,088	18.7	1.5
BVH	60.5	688,130	0	TRUNG TÍNH	44,911	29.0	2.2
CEO	12.1	5,096,425	4	KHẢ QUAN	3,114	#N/A N/A	1.1
CII	23.9	2,693,600	5	KHẢ QUAN	5,708	20.1	1.2
CTD	78	844,730	6	KHẢ QUAN	5,794	13.5	0.7
CTG	38.2	10,020,100	0	TRUNG TÍNH	142,234	10.4	1.7
CTR	101.3	568,195	2	TRUNG TÍNH	7,271	39.4	8.1
DBC	57.9	2,144,960	6	KHẢ QUAN	6,066	4.2	1.4
DCM	16.85	4,542,455	4	KHẢ QUAN	8,920	16.4	1.4
DGC	72	964,195	7	KHẢ QUAN	10,711	12.6	2.7
DGW	111.5	372,350	2	TRUNG TÍNH	4,795	18.8	4.2
DIG	30.7	4,317,295	-6	TIÊU CỰC	9,669	14.7	2.0
DPM	19.2	2,729,935	6	KHẢ QUAN	7,514	11.5	0.9
DRC	28.2	1,996,510	0	TRUNG TÍNH	3,350	13.1	2.0
DXG	24.15	8,458,850	-2	TRUNG TÍNH	12,517	#N/A N/A	2.0
FCN	14.65	3,054,370	4	KHẢ QUAN	1,838	15.5	0.8
FLC	6.62	17,875,070	5	KHẢ QUAN	4,700	172.1	0.5
FPT	76.7	2,502,730	-6	TIÊU CỰC	60,126	17.0	3.8
FRT	28.9	1,447,335	4	KHẢ QUAN	2,283	92.3	1.9
GAS	92.7	1,250,335	0	TRUNG TÍNH	177,423	23.0	3.7
GEX	22.95	5,506,445	4	KHẢ QUAN	11,061	13.8	1.6
GIL	71.8	746,515	5	KHẢ QUAN	2,584	6.2	2.0
GMD	32.2	2,401,520	-6	TIÊU CỰC	9,704	28.4	1.6
GTN	25.85	1,676,305	0	TRUNG TÍNH	6,463	63.2	2.5
GVR	29.5	4,218,690	4	KHẢ QUAN	118,000	27.6	2.5
HAG	5.11	6,843,645	6	KHẢ QUAN	4,739	#N/A N/A	0.8
HAH	24.9	1,736,425	0	TRUNG TÍNH	1,180	9.1	1.1
HBC	18.85	8,137,390	7	KHẢ QUAN	4,352	58.4	1.2
HCM	32.6	4,859,555	7	KHẢ QUAN	9,944	18.8	2.2
HDB	26.4	4,326,435	2	TRUNG TÍNH	42,075	9.9	1.8
HDC	45.6	1,123,205	6	KHẢ QUAN	3,033	13.1	2.7
HDG	46.7	1,740,370	6	KHẢ QUAN	7,205	7.4	2.3
HNG	12.45	7,704,910	6	KHẢ QUAN	13,801	642.3	1.6
HPG	46.4	22,859,304	0	TRUNG TÍNH	153,736	11.4	2.6
HPX	37.2	1,020,550	-2	TRUNG TÍNH	9,839	35.8	3.1
HQC	2.88	13,673,980	4	KHẢ QUAN	1,373	143.0	0.3
HSG	28.45	10,076,570	2	TRUNG TÍNH	12,640	8.4	1.8
HUT	6.2	5,922,435	4	KHẢ QUAN	1,666	#N/A N/A	0.6
HVN	30.7	1,338,375	2	TRUNG TÍNH	43,542	#N/A N/A	6.8
IDC	37.8	4,863,130	-4	TIÊU CỰC	11,340	37.6	3.2
IJC	31.25	7,253,585	-2	TRUNG TÍNH	6,784	12.2	2.1
ITA	6.7	9,185,925	4	KHẢ QUAN	6,287	36.1	0.6
KBC	39	5,159,635	-4	TIÊU CỰC	18,321	107.3	1.9
KDC	50.9	1,155,635	4	KHẢ QUAN	11,643	51.1	2.0
KDH	31.55	1,561,810	-4	TIÊU CỰC	17,630	15.4	2.2
KSB	33.8	1,931,420	0	TRUNG TÍNH	2,252	8.0	1.4
LCG	16.45	5,394,220	2	TRUNG TÍNH	1,896	6.1	1.1
LDG	7.7	5,836,350	6	KHẢ QUAN	1,844	154.0	0.6

LPB	16.05	12,941,105	6	KHẢ QUAN	17,248	9.3	1.2
MBB	28.25	19,658,796	0	TRUNG TÍNH	79,065	9.5	1.7
MBS	23.8	1,937,130	2	TRUNG TÍNH	3,911	14.6	1.9
MSN	87.3	1,347,780	-4	TIÊU CỰC	102,550	82.8	6.4
MWG	132.5	1,129,595	-4	TIÊU CỰC	61,761	15.3	3.9
NKG	22	6,155,620	5	KHẢ QUAN	3,784	12.9	1.2
NLG	35.5	1,894,245	-4	TIÊU CỰC	9,772	11.9	1.7
NVB	15.2	6,169,980	2	TRUNG TÍNH	6,183	5,101.9	1.5
NVL	82.9	2,254,675	5	KHẢ QUAN	88,202	20.8	3.2
OIL	15	2,545,600	4	KHẢ QUAN	15,513	67.3	1.6
PDR	66.8	3,705,060	3	TRUNG TÍNH	26,464	22.6	5.2
PET	21.8	2,277,910	5	KHẢ QUAN	1,822	13.6	1.2
PHR	62.5	952,715	0	TRUNG TÍNH	8,469	7.8	2.6
PLX	55.6	2,753,315	-5	TIÊU CỰC	67,766	88.1	3.2
PNJ	84	519,200	-2	TRUNG TÍNH	19,099	17.8	3.6
POW	13.8	14,185,380	4	KHẢ QUAN	32,318	14.7	1.1
PVD	24.15	12,961,890	-2	TRUNG TÍNH	10,170	85.0	0.7
PVS	24.4	14,665,255	0	TRUNG TÍNH	11,662	18.0	1.0
PVT	18.2	5,578,820	4	KHẢ QUAN	5,890	9.3	1.2
REE	55.5	1,020,240	-6	TIÊU CỰC	17,152	10.6	1.5
ROS	3.5	14,559,345	-2	TRUNG TÍNH	1,987	1,166.7	0.3
S99	29.5	2,000,855	-4	TIÊU CỰC	1,547	9.5	2.0
SBT	22.7	4,042,760	0	TRUNG TÍNH	14,009	24.0	1.8
SCR	9.11	3,920,730	6	KHẢ QUAN	3,338	18.8	0.7
SHB	17.3	24,285,150	7	KHẢ QUAN	30,284	11.0	1.3
SHS	28.2	7,424,740	5	KHẢ QUAN	5,845	7.7	1.8
SSI	33.95	13,536,700	-4	TIÊU CỰC	20,337	16.2	2.1
STB	19.3	22,086,850	5	KHẢ QUAN	34,811	13.0	1.2
SZC	42.85	1,104,270	2	TRUNG TÍNH	4,285	23.0	3.4
TCB	40.15	14,595,340	0	TRUNG TÍNH	140,722	11.4	1.9
TCH	22.8	5,129,455	7	KHẢ QUAN	8,055	8.9	1.6
TDC	23.1	1,605,615	2	TRUNG TÍNH	2,310	13.9	1.9
TNG	25	2,860,240	2	TRUNG TÍNH	1,850	11.9	1.6
TPB	28.6	3,717,100	-2	TRUNG TÍNH	29,505	8.2	1.8
VCB	96.3	1,407,540	-2	TRUNG TÍNH	357,165	19.4	3.6
VCI	59.2	1,037,175	7	KHẢ QUAN	9,804	12.7	2.2
VGI	20	2,301,520	0	TRUNG TÍNH	10,000	35.5	1.6
VHC	42.7	1,200,625	4	KHẢ QUAN	7,769	11.0	1.5
VHM	100	2,826,680	-4	TIÊU CỰC	328,951	11.8	3.8
VIB	43.25	887,795	0	TRUNG TÍNH	47,981	10.3	2.7
VIC	105.9	1,319,905	-4	TIÊU CỰC	358,199	67.5	4.6
VIX	36.25	5,609,545	-2	TRUNG TÍNH	4,630	14.1	2.6
VJC	136.1	678,960	-4	TIÊU CỰC	71,294	1,030.4	4.8
VND	29.8	4,723,390	7	KHẢ QUAN	6,255	8.9	1.6
VNM	102.8	3,064,425	-2	TRUNG TÍNH	214,847	21.6	6.9
VPB	43.75	6,093,330	7	KHẢ QUAN	107,395	10.2	2.0
VPI	36.4	1,257,280	4	KHẢ QUAN	7,280	23.7	2.6
VRE	34.35	5,066,585	0	TRUNG TÍNH	78,054	32.8	2.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Quốc hội Mỹ thông qua gói cứu trợ 1.900 tỷ USD của Biden

Hạ viện đã thông qua gói cứu trợ với tỷ lệ sát sao 220 phiếu thuận và 211 phiếu chống, không nghị sĩ Cộng hòa nào bỏ phiếu thuận. Thượng viện đã thông qua dự luật tuần trước và bây giờ, nó sẽ được đưa tới bàn làm việc của Tổng thống Mỹ Joe Biden ở Nhà Trắng, nơi ông sẽ ký dự luật vào 12/3. "Ban hành sắc lệnh này nhằm mang lại xương sống cho quốc gia, cho những người lao động trong ngành nghề thiết yếu, cho những người đã xây dựng đất nước, cho những người đang làm việc để giữ gìn đất nước, một cơ hội chiến đấu", Tổng thống Mỹ nói sau khi Hạ viện bỏ phiếu thông qua

Foxconn sẽ đầu tư 700 triệu USD vào Việt Nam trong năm nay, tăng 10.000 việc làm, doanh thu dự kiến 10 tỷ USD

Taiwan News đưa tin Tập đoàn Công nghệ Foxconn, nhà sản xuất hàng điện tử theo hợp đồng lớn nhất thế giới, sẽ đầu tư 700 triệu USD (19,83 tỷ Đài tệ) vào Việt Nam vào năm 2021, trong khi doanh thu của tập đoàn này tại Việt Nam dự kiến có thể đạt 10 tỷ USD một báo cáo cho biết hôm thứ Tư (10/3). Foxconn đã đầu tư 1,5 tỷ USD vào Việt Nam, tính đến cuối năm 2020. Kế hoạch mới nhất của họ là sẽ tăng thêm 10.000 việc làm tại Việt Nam trong năm nay, CNA đưa tin. Một trong những dự án của công ty là nhà máy Công ty Công nghệ Fukang trị giá 270 triệu USD ở Bắc Giang, do Foxconn Singapore PTE Ltd. làm chủ đầu tư

HSBC dự báo lạm phát tăng 3% và tăng trưởng kinh tế 7% năm nay

Trong báo cáo vừa công bố, Ngân hàng HSBC dự báo năm nay chỉ số giá tiêu dùng (CPI) sẽ tăng 3%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó và thấp hơn mức trần 4% của Ngân hàng Nhà nước. Đây là điều kiện để Việt Nam duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ. HSBC cũng dự báo tăng trưởng kinh tế sẽ đạt 7% vào năm nay. Cụ thể, CPI tháng 2 ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong vòng 8 năm trở lại đây, ở mức hơn 1,5%, chủ yếu do giá điện tăng mạnh sau khi kết thúc chương trình hỗ trợ giá, giá lương thực leo thang và chi phí vận tải cao hơn. Việc điều chỉnh giá lương thực thực phẩm sẽ góp phần bù đắp việc tăng giá của xăng dầu, góp phần kiểm soát lạm phát. Ngoài ra, lạm phát từ phía cầu cũng được dự báo sẽ phục hồi nhưng vẫn tăng chậm hơn do thị trường lao động vẫn còn nhiều khó khăn

BID: đặt mục tiêu lãi tăng 44%, nâng vốn thêm 8.000 tỷ đồng

Theo tài liệu họp thường niên 2021 của BIDV (HoSE: BID), ngân hàng đặt mục tiêu lợi nhuận 13.000 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2020. Dư nợ tín dụng lên kế hoạch tăng 10-12%, đảm bảo tuân thủ giới hạn tín dụng do NHNN giao. Huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, cân đối với tốc độ tăng trưởng tín dụng, dự kiến cao hơn 12-15% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. HĐQT BIDV cũng trình cổ đông phương án tăng vốn điều lệ năm 2021, thêm 8.304 tỷ đồng lên 48.524 tỷ, tương đương tăng 20,6%. Ngân hàng sẽ phát hành 207,3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 5,2%) và 281,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, tỷ lệ 7%. Bên cạnh đó, ngân hàng dự kiến chào bán ra công chúng hoặc riêng lẻ thêm 341,5 triệu cổ phiếu. Thời gian thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến trong quý III, IV, trong khi chào bán cổ phiếu mới giai đoạn 2021-2022 sau khi được chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

POW: sẽ bán khớp lệnh gần 20 triệu cổ phiếu PVM, giá khởi điểm 21.500 đồng/cp

HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, HoSE: POW) đã thông qua bán toàn bộ hơn 19,9 triệu cổ phiếu, tương đương 51,58% vốn Công ty Máy – Thiết bị Dầu khí (PV Machino, UPCoM: PVM). Giá khởi điểm là 21.500 đồng/cp, PV Power dự thu gần 430 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá bán không được thấp hơn giá bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán của PVM trước ngày phê duyệt phương án (22.800

đồng/cp) và không thấp hơn giá tham chiếu trước ngày phê duyệt phương án 1 ngày (21.700 đồng/cp). PV Power sẽ bán cổ phiếu PV Machino qua giao dịch khớp lệnh, thời gian thực hiện quý I và II. Cổ phiếu PVM chốt phiên 10/3 tại mức giá 25.000 đồng/cp, tăng 25% kể từ đầu tháng 3. Mới đây, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (HNX: SHS) đã đăng ký bán toàn bộ 3,8 triệu cổ phiếu PVM, tương ứng 9,9% vốn từ ngày 12/3 đến 11/4. Vào tháng 11/2020, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ đã bán toàn bộ 6,6 triệu cổ phiếu PVM, tỷ lệ 17,08%.

APH: chính thức được Mỹ bảo hộ sản phẩm xanh

An Phát Holdings (HoSE: APH) công bố vừa chính thức được Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Liên bang Mỹ (USPTO) cấp bảo hộ cho dòng sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco. Đây là thành công rất đáng kể của APH trong nỗ lực xây dựng và phát triển thị trường cho dòng sản phẩm xanh tại Mỹ. Việc đăng ký thành công nhãn hiệu tại Mỹ cho phép AnEco chính thức được “khai sinh” tại thị trường này, không chỉ được pháp luật bảo hộ mà còn mở đường, tạo cơ hội rộng mở cho APH thực hiện các dự án hợp tác kinh doanh, đưa dòng sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco đến được đông đảo người tiêu dùng Mỹ và thị trường Bắc Mỹ nói chung. Theo quyết định của USPTO, AnEco sẽ được bảo hộ trong vòng 10 năm và tiếp tục gia hạn trong thời gian sau đó. Theo đó, APH kế hoạch sẽ đẩy mạnh phát triển kinh doanh AnEco tại thị trường này trong thời gian gần tới.

NTC: dự kiến chia cổ tức 80% cho năm 2020

Theo báo cáo thường niên, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCoM: NTC) dự kiến sẽ chia cổ tức năm 2020 với tổng tỷ lệ 80%, tương ứng với tổng giá trị gần 192 tỷ đồng. Năm ngoái công ty này ghi nhận tổng doanh thu tăng 14% lên 476 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 18% lên 280 tỷ đồng. Như vậy, giá trị chia cổ tức chiếm khoảng 66% lợi nhuận đạt được. Trước đó vào cuối năm 2020, Nam Tân Uyên từng thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền theo tỷ lệ 60% (1 cổ phiếu nhận 6.000 đồng). Như vậy công ty dự kiến còn chia thêm 20% trong thời gian tới.

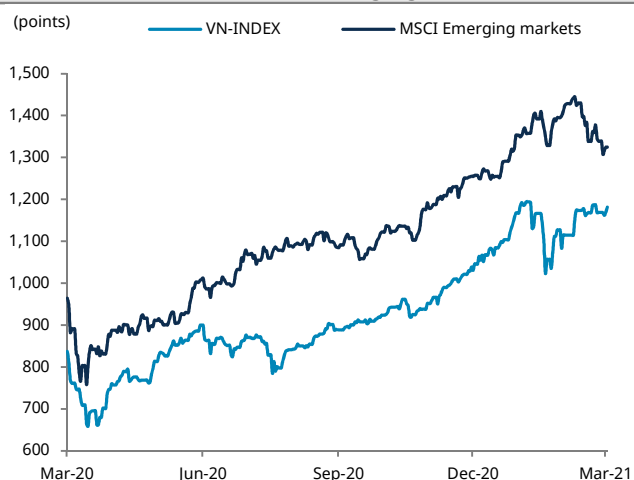
TCM lên kế hoạch lãi 2021 tăng 5% đạt 290 tỷ đồng

Công ty Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 gồm doanh thu thuần 4.218 tỷ đồng, tăng 22%; lợi nhuận ròng 290 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm trước. Trong năm 2020, bất chấp dịch Covid-19, Dệt may TCM vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan với doanh thu 3.470 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 276 tỷ đồng; lần lượt giảm 4% và tăng 27% so với năm trước. Doanh nghiệp không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu nhưng thực hiện vượt 46% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế. Doanh nghiệp cho biết trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát tại các thị trường chính như Mỹ, châu Âu, châu Á, đơn hàng truyền thống (quần áo thời trang) bị giảm trong quý II và III, doanh nghiệp đã chuyển hướng may khẩu trang vải kháng khuẩn, đồ bảo hộ y tế xuất khẩu đi Mỹ. Sang đến quý IV, đơn hàng khẩu trang, đồ bảo hộ y tế không nhiều nhưng đơn hàng truyền thống phục hồi cùng giải pháp tiết giảm chi phí đã giúp lợi nhuận tăng trưởng.

Bản tin thị trường

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



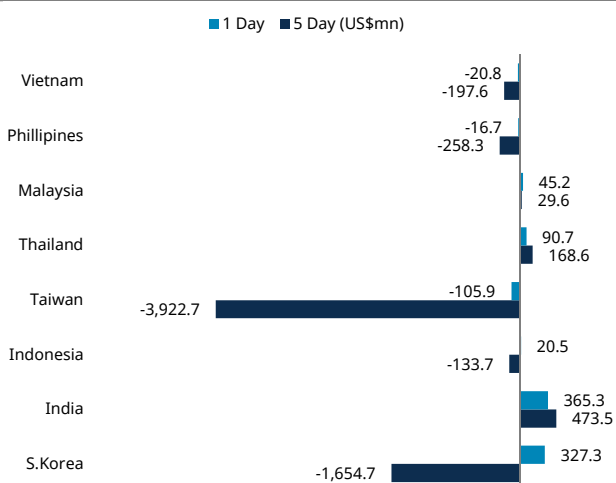
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



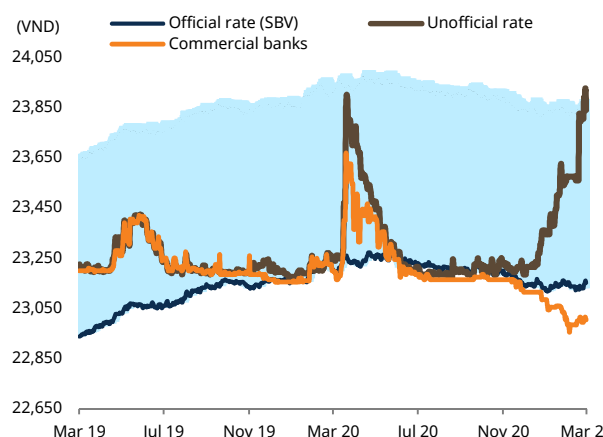
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



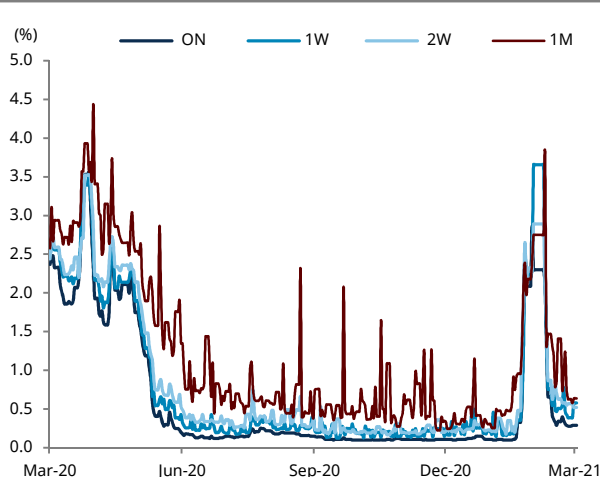
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21		FY20	FY21
VN30 Index	VN30 Index	1,188.71	3,036,674		1.4	1.2	5.2	56.8	15.3	13.0	2.6	2.3	18.1		17.6	19.4
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	43,300	174,153	17.3	3.1	1.3	6.1	9.8	17.9	11.8	2.0	1.8	52.2		13.2	16.9
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,500	44,911	27.8	1.5	0.8	1.0	32.7	27.6	22.1	2.1	2.0	25.0		8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	38,200	142,234	28.0	1.7	-0.3	7.9	64.7	8.6	8.0	1.4	1.3	7.6		18.1	17.1
CTCP FPT	FPT VN	76,700	60,126	49.0	0.5	1.1	2.8	73.6	15.2	13.1	3.4	3.0	15.9		25.1	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	92,700	177,423	2.8	0.8	2.0	14.0	45.3	17.7	16.9	3.5	3.5	4.5		19.8	20.5
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,400	42,075	17.0	1.1	0.8	9.5	77.8	8.2	6.8	NA	NA	19.7		19.5	18.7
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,400	153,736	30.6	1.8	1.1	11.0	170.9	9.2	8.3	2.1	1.7	11.5		25.9	23.3
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,550	17,630	35.9	-0.5	-1.3	-1.1	44.0	14.4	10.9	2.0	1.7	31.8		15.5	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,250	79,065	23.1	1.1	4.1	14.1	80.2	7.8	6.5	1.4	1.2	19.2		20.1	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	87,300	102,550	32.4	0.3	-1.2	-1.6	74.8	41.1	22.1	5.0	4.1	86.0		14.6	20.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,500	61,761	49.0	1.5	-0.2	2.3	51.6	12.4	9.7	3.0	2.6	28.8		28.4	28.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	82,900	88,202	6.7	0.5	2.9	4.9	58.2	22.0	20.4	2.7	2.3	7.7		10.4	9.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	66,800	26,464	1.3	3.9	6.4	6.4	216.7	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,600	67,766	16.0	-0.4	-3.8	4.9	35.9	20.9	17.0	2.9	2.8	23.3		15.9	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,000	19,099	49.0	0.5	0.2	0.5	22.4	15.3	12.2	3.2	2.5	26.0		23.2	24.7
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,800	32,318	6.5	1.1	9.5	11.7	53.0	14.8	13.1	1.1	1.0	13.0		7.5	7.9
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,500	17,152	49.0	1.1	0.0	-2.6	85.9	9.6	8.0	1.4	1.2	19.9		14.7	15.3
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,700	14,009	7.9	0.4	0.9	3.7	24.0	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,950	20,337	43.0	2.6	1.5	6.9	171.6	14.2	14.2	NA	NA	0.5		13.5	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	19,300	34,811	9.3	3.2	5.2	6.3	81.2	13.3	8.0	1.2	1.0	66.0		9.1	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	40,150	140,722	22.5	2.2	2.8	11.5	108.0	9.5	8.3	1.6	1.3	15.1		18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,800	8,055	5.5	0.4	4.6	7.0	-9.7	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,600	29,505	30.0	0.5	-0.2	6.5	66.4	7.6	5.4	1.4	1.2	38.8		23.3	24.1
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,300	357,165	23.6	0.8	-1.0	-0.9	25.1	17.1	13.7	3.0	2.6	24.7		20.5	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	100,000	328,951	22.4	0.1	0.0	3.3	30.7	10.7	9.0	2.9	2.2	19.4		30.5	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,900	358,199	14.0	-0.1	-0.9	-0.3	9.2	46.4	34.7	3.8	3.4	33.5		8.7	11.3
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	136,100	71,294	19.3	0.4	-0.5	5.5	27.8	65.9	23.3	4.3	3.5	182.7		7.6	18.8
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	102,800	214,847	57.0	1.7	-0.6	-4.8	21.4	19.7	18.1	6.3	5.6	8.7		36.9	36.6
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	43,750	107,395	23.4	4.2	5.4	13.6	80.8	8.9	7.5	1.7	1.3	19.0		20.4	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,350	78,054	31.0	0.6	-0.6	8.9	32.1	26.8	20.7	2.4	2.2	29.5		9.6	11.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	11.65	4,372,408	1.0	1.1	6.0	45.6	18.2	15.0	2.5	2.4	21.4	13.7	17.8
Ô tô và phụ tùng	0.04	8,330	1.7	3.0	7.9	45.3	6.1	5.7	1.1	1.0	25.5	11.2	10.8
Ngân hàng	6.06	1,315,502	1.8	1.8	7.7	44.3	12.4	9.9	1.9	1.6	18.8	17.9	18.5
Xây dựng cơ bản	0.29	175,666	0.6	2.0	8.9	84.6	5.4	4.6	0.4	0.3	NA	5.6	5.6
Dịch vụ thương mại	0.01	4,721	0.9	1.2	2.0	24.3	6.9	5.5	NA	NA	-29.7	11.3	13.2
May mặc và trang sức	0.14	38,286	1.4	2.9	9.1	129.5	11.8	9.5	2.3	1.8	-5.7	18.4	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	9,922	-0.8	-3.4	13.8	57.5	14.5	5.0	NA	NA	NA	3.7	9.8
Dịch vụ tài chính	0.47	69,526	2.6	4.6	13.1	131.2	8.6	4.2	NA	NA	49.9	8.2	3.8
Năng lượng	-0.04	87,137	-0.2	-3.8	6.7	51.8	21.3	16.5	2.5	2.4	-62.9	13.5	14.8
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.48	542,957	1.0	0.0	-0.7	39.7	21.2	15.8	4.5	4.0	-14.4	23.0	24.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	964	0.9	3.6	14.4	37.7	NA	NA	NA	NA	-38.9	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.05	12,752	1.4	2.9	30.0	5.7	7.4	6.5	NA	NA	51.2	24.1	24.2
Bảo hiểm	0.17	51,827	1.2	2.9	1.9	30.2	24.6	19.7	1.9	1.8	28.9	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	1.47	383,839	1.5	1.5	16.5	102.9	14.1	14.0	1.0	0.9	60.3	15.9	14.4
Giải trí và truyền thông	0.00	1,257	1.0	1.5	1.5	-39.8	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	0.10	35,207	1.1	2.1	4.8	23.6	NA	NA	NA	NA	11.9	NA	NA
Bất động sản	0.67	1,077,533	0.2	1.4	3.3	36.9	9.2	8.2	1.7	1.6	-24.3	9.8	9.9
Bán lẻ	0.24	69,984	1.3	0.3	2.4	53.6	23.1	17.9	2.6	2.2	-2.4	14.7	15.1
Phần mềm và dịch vụ	0.09	64,368	0.5	1.5	3.4	71.8	11.6	9.0	2.7	2.3	10.1	25.6	26.0
Thiết bị và phần cứng	-0.02	4,795	-1.3	0.3	31.3	373.5	14.2	12.2	3.2	2.8	48.6	23.4	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,221	3.1	7.1	24.1	278.4	12.8	10.4	3.3	2.6	14.2	26.9	26.6
Vận tải	-0.11	175,601	-0.2	-1.3	7.6	37.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.53	268,580	0.7	0.9	12.1	40.2	29.6	11.3	2.1	1.7	-28.8	-9.4	3.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	43,300	3.10	1,672,400	1.40
VPB VN	43,750	4.17	7,863,700	1.15
VNM VN	102,800	1.68	2,417,000	0.95
TCB VN	40,150	2.16	15,369,300	0.80
VCB VN	96,300	0.84	1,009,800	0.79
HPG VN	46,400	1.75	15,569,400	0.71
CTG VN	38,200	1.73	7,639,300	0.65
GVR VN	29,500	1.72	5,317,600	0.53
SAB VN	176,000	1.56	193,500	0.46
GAS VN	92,700	0.76	337,200	0.36

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
LGC VN	62,800	-6.96	8,300	-0.24
VIC VN	105,900	-0.09	1,108,700	-0.09
PLX VN	55,600	-0.36	2,905,500	-0.07
BHN VN	71,500	-1.38	2,800	-0.06
RIC VN	32,200	-6.94	1,700	-0.05
HVN VN	30,700	-0.32	1,396,000	-0.04
TMP VN	39,500	-3.66	10,800	-0.03
OPC VN	62,100	-5.91	300	-0.03
PSH VN	20,000	-3.38	181,300	-0.02
KDH VN	31,550	-0.47	1,192,000	-0.02

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.